

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 348/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Thịnh**

Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Tuyết Nhung**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Thanh** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 28/10/2024 và 28/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 496/2024/QĐST-HC ngày 28/10/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **OPIELA T** sinh ngày 12/3/1955, quốc tịch: Hoa Kỳ; hộ chiếu số: A3468xxxx do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cấp ngày 11/04/2023; nơi cư trú: 1555 N. D. 9E C IL 60xxx USA; chỗ ở hiện tại: Phòng 512 tòa B chung cư D, số 2 Đ, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội; điện thoại 0382142692. (Có mặt)

Người phiên dịch do nguyên đơn lựa chọn:

1. Chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** sinh năm 2097, địa chỉ: 46/93/20 H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (Có mặt)

2. Chị **Phan Linh N** sinh năm 2003, địa chỉ: Số 22 ngách 194/30 phố Đ1, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Vũ Thị Kiều A1** sinh năm 1974; luật sư Công ty Luật TNHH T; địa chỉ: Số 14 N, M, KĐT T, đường N, phường Đ1, quận H, thành phố Hà Nội; điện thoại 091851xxxx. (Có mặt)

Bị đơn: Bà **TRẦN THỊ THU H** sinh ngày 21/7/1972; căn cước công dân số 02617200xxxx do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/01/2018; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 3, phường C, quận N, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: Phòng 512 tòa B chung cư D, số 2 Đ,

phường Q, quận T, thành phố Hà Nội; điện thoại: 090416xxxx. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Đỗ Quang H1** sinh năm 1981; luật sư Công ty Luật TNHH Lawpro; địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà I số 82 D1, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; điện thoại 093677xxxx. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông OPIELA T và bà đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hà Nội ngày 07/03/2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, bà Trần Thị Thu H sinh sống và làm việc tại Việt Nam, còn ông OPIELA T sinh sống và làm việc tại Mỹ. Từ khi kết hôn cho đến năm 2016, vợ chồng sống chung là những lần ông T về Việt Nam tổng cộng khoảng 2 tháng/năm; từ khi vợ chồng có 01 con chung là Opiela J sinh ngày 18/01/2016 bị khuyết tật bẩm sinh chỉ có 01 thận thì ông T về Việt Nam nhiều lần hơn tổng cộng khoảng 04 tháng/năm. Từ tháng 3/2020 cho đến nay, ông T liên tục ở Việt Nam; còn bà H chưa một lần nào sang Mỹ kể từ khi kết hôn.

Theo ông OPIELA T và luật sư, ngoài bệnh 01 thận ra thì Con J còn bị hội chứng co thắt cơ, ruột và thính giác đều không tốt. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh liên quan đến việc chăm sóc con chung từ khi con được sinh ra. Bà H mãi lo công việc và các mối quan hệ, không quan tâm, chăm sóc con. Ông T muốn đưa con sang Mỹ sinh sống, học tập và chữa bệnh nhưng bà H không muốn. Vấn đề mâu thuẫn này không thể giải quyết được nên ông đề nghị ly hôn và được trực tiếp nuôi con để đưa con sang Mỹ học tập, chữa bệnh.

Theo ông T, ông có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn bà H bởi những căn cứ sau: Hệ thống y tế và giáo dục tại Mỹ tốt hơn ở Việt Nam. Ông là tiến sĩ, giáo sư dạy về kinh tế của Trường D, có thu nhập sau thuế khoảng 75.000USD/năm đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Ông quan tâm, chăm sóc, gần gũi con; còn bà H không quan tâm, không chăm sóc, không dành thời gian cho con. Con J có nguyện vọng được ở với bố, muốn được học tập tại Mỹ.

Để đảm bảo cho tương lai của con, ông yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con 1.500USD/tháng cho đến khi con học hết cấp 3. Hàng năm ông sẽ cùng con về Việt Nam thăm bà H khoảng 2 tháng/năm để chăm sóc con. Bà H có thể sang Mỹ thăm con nhưng phải tự chi trả chi phí, ông chỉ hỗ trợ thủ tục.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo bà Trần Thị Thu H và luật sư, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu từ bất đồng trong việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp với con, chăm sóc, nuôi dạy con; bất đồng về lối sống và các mối quan hệ gia đình, bạn bè. Kết quả của việc nuôi dạy con trong thời gian qua của ông T là Con J xa lánh mẹ và không biết tiếng Việt. Bà H cũng đồng ý ly hôn. Bà đề nghị được giao nuôi con để không bị ông T cắt đứt tình cảm mẹ con; được chăm sóc con gái trong giai đoạn sắp đến tuổi dậy thì và để gần gũi con hơn, dạy con nói tiếng Việt. Khi nào con muốn sang Mỹ học tập hay sinh sống thì bà đồng ý ký văn bản để ông T đưa con sang Mỹ sinh sống, học tập và chữa bệnh. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, bà H là Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại T1 có thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng; có nhà ở ổn định là căn hộ đang ở thuê và 01 căn nhà tại số 81 ngõ 23 Xuân La, Tây Hồ được bố mẹ tặng cho; có thời gian và sức khỏe để chăm sóc, đưa đón con đi học. Con J đang quen với môi trường sống và học tập tại Việt Nam nên nếu con sang Mỹ cùng ông T sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Y học và giáo dục tại Việt Nam cũng rất phát triển, có thể bảo đảm cho việc học tập và chữa bệnh của con.

Còn ông T tuổi đã cao, sức khỏe kém nên không phù hợp chăm sóc con gái mới 8 tuổi ở nơi xa lạ con chưa từng đến. Ông T không cung cấp được tài liệu chứng minh nơi ở, việc làm, thu nhập của ông tại Mỹ. Ngoài ra, ông T còn có biểu hiện của người mắc bệnh hoang tưởng, mất kiểm soát hành vi với bằng chứng bà H đã nộp cho Tòa án là việc ông T tố cáo bà H bắt cóc con gái; chụp ảnh, đe dọa phát tán hình ảnh nhạy cảm của bà H lên mạng; tố cáo bà H đưa hối lộ trong 1 vụ án hình sự.

Nguyện vọng của cháu Opiela J là muốn được ở với ông Opiela Timothy Patrick.

Về tài sản: Ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H cùng đồng ý thỏa thuận trên giấy tờ pháp lý bà H là người trực tiếp nuôi con nhưng trên thực tế bà H sẽ ký giấy tờ đồng ý để ông OPIELA T đưa con sang Mỹ sinh sống, học tập. Tuy nhiên, về cách thức, phương thức và một số vấn đề liên quan đến việc ông OPIELA T đưa con sang Mỹ sinh sống thì 2 bên không thống nhất được.

Tại phiên tòa: Ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn. Cả 2 đều đề nghị được trực tiếp nuôi con; không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung.

Luật sư của 2 bên đều đưa ra các điều kiện, khả năng của thân chủ mình cao hơn bên kia trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con để đề nghị Tòa án chấp nhận giao con chung cho thân chủ của mình trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; giao con chung cho bà H nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 07/3/2007 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên việc kết hôn của ông bà có giá trị pháp lý.

[2] Sau khi ông OPIELA T có đơn khởi kiện ly hôn, bà Trần Thị Thu H đồng ý ly hôn nên theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP xác định ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

[3] Ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án sẽ quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, khi xem xét “quyền lợi về mọi mặt của con” quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí sau đây: a) Điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; b) Quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi; c) Sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ; d) Sự quan tâm của cha, mẹ đối với con; đ) Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; e) Nguyện vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con; g) Nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ.

Xét thấy:

[3.1] Theo quy định của Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật này quy định.

Do đó, ông T và bà H phải chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ để chứng minh cho những lời khai của mình về điều kiện, khả năng của mỗi bên trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là có căn cứ và hợp pháp. Tại các phiên hòa giải, phiên tòa, Tòa án đều đã thông báo cho các bên về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tuy nhiên, ông T chỉ cung cấp được một số bản in bằng tiếng Anh, không có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, không có bản dịch tiếng Việt theo quy định tại Khoản 3 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T khai rằng đây là thu nhập của ông do Trường Đại học D chi trả. Tại phiên tòa, ông khai đang nghỉ không lương và đã ký hợp đồng lao động với chủ sử dụng lao động khác nhưng không cung cấp được hợp đồng tại phiên tòa. Bà H khai chỉ được ông T cho xem ảnh nhà ở bên Mỹ còn thực tế có nhà ở đó hay không thì bà không biết. Như vậy, ông T đã không chứng minh được ông có việc làm và thu nhập ổn

định, có nhà ở tại Mỹ.

Bà H cung cấp Đơn xin xác nhận công tác và mức lương ngày 16/4/2024 có xác nhận của Công ty cổ phần đầu tư thương mại T1 về việc bà H là Tổng giám đốc Công ty có mức lương 15 triệu đồng/tháng và bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 15/5/2019 cho ông Trần Văn C, bà Trương Thị V (là bố mẹ đẻ của bà H) đối với nhà đất diện tích 98,3m² tại số 81 ngõ 23 đường Xuân La, phường Xuân La, quận T, thành phố Hà Nội đã tặng cho 3 chị em bà H ngày 07/3/2023. Theo lời khai của bà H, được ông T thừa nhận, trên diện tích đất này có căn nhà 04 tầng và 02 chị em của bà H hiện sinh sống ở nước ngoài. Như vậy, bà H đã chứng minh được bà có việc làm và thu nhập ổn định, có nhà ở riêng ngoài nhà đang ở thuê.

[3.2] Theo sự các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai và sự thể hiện tình cảm của Con J đối với cha, mẹ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì Con J có tình cảm yêu thương, gắn bó thân thiết với ông T, nhưng lại xa lánh, không tình cảm, không thân thiết với bà H mặc dù 2 bên đều có sự quan tâm của cha, mẹ đối với con, chỉ có điều mỗi người thể hiện 1 cách khác nhau. Theo đánh giá của Hội đồng xét xử, nguyên nhân là do điều kiện làm việc của ông T từ năm 2020 đến nay nên ông T có nhiều thời gian gần gũi con hơn bà H.

Luật pháp quy định, quyền của con là được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi. Do đó, nếu giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng thì Con J sẽ sang Mỹ sinh sống, tiếp tục thiếu gắn bó, thân thiết với mẹ và dẫn đến mối quan hệ giữa mẹ và con không được duy trì; còn nếu giao Con J cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì trong thời gian ông T về Mỹ thì tình cảm giữa 2 mẹ con sẽ được cải thiện, trở nên gắn bó, thân thiết hơn; rồi khi Con J chuyển cấp, bà H có thể ký giấy tờ để ông T đưa con sang Mỹ học tập như 2 bên đã từng thỏa thuận.

[3.3] Con J đang học lớp 4 Trường M có địa chỉ 98D T1, quận T gần nhà nên để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con cần thiết giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.4] Với tình cảm của Con J dành cho ông T thì con có nguyện vọng được ở với ông T là tất yếu nhưng theo quy định của pháp luật, nguyện vọng của con trên 7 tuổi chỉ là 1 trong những tiêu chí Tòa án phải xem xét cùng với các tiêu chí khác đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, chứ không phải con muốn ở với ai thì giao con cho người đó.

[3.5] Bà Trần Thị Thu H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP. Và theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, trường hợp điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người cha không tốt hơn điều kiện của người mẹ hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này thì Tòa án quyết định giao con cho mẹ trực tiếp nuôi.

Như vậy, điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông T như đã phân tích ở trên không tốt hơn điều kiện của bà H nên Tòa án quyết định giao con cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con. Việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng xét thấy bà H có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc bà H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Tòa án không buộc ông T phải cấp dưỡng cho con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con của ông T đến khi bà H có yêu cầu hoặc đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

[5] Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn, ông bà không thỏa thuận được về việc chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Ông OPIELA T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 207, Điều 266, Điểm d Khoản 1 Điều 469, Khoản 1 Điều 476, Điểm a Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, 58, 82, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

[2] Giao con chung là Opiela J sinh ngày 18/01/2016 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu H không yêu cầu ông OPIELA T cấp dưỡng cho con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con của ông OPIELA T đến khi bà Trần Thị Thu H có yêu cầu hoặc đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Ông OPIELA T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của ông OPIELA T và bà Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

[4] Ông OPIELA T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 22982 ngày 01/3/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông OPIELA T đã nộp đủ án phí ly

hôn sơ thẩm.

Ông Opiela T, bà Trần Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội
- Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- UBND TP Hà Nội (Số 185 quyền số 01 ngày 3/5/2007)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hoàng Phúc

